

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 24 - 8 - 2022.

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa (phân bón)”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hoàng Điệt;

Ông Nguyễn Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Phước Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn O - Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Số 14, ấp Phú T, xã Đồng P, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Yên N; Cư trú tại: Số 79, Đường Hùng V, Phường 5, thành phố Vị T, tỉnh Hậu G - theo Giấy ủy quyền ngày 24 tháng 8 năm 2022 (có mặt).

- Bị đơn: Hộ kinh doanh Phan Văn T;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T; Đại diện Hộ kinh doanh Phan Văn T.

Địa điểm kinh doanh: Số 23, ấp Phương T, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022 của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Yến N trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O (sau đây viết tắt là Công ty On O) và ông Phan Văn T, thỏa thuận Công ty On O cung cấp các loại phân NPK do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O sản xuất giao hàng cho ông T. Số lượng và chủng loại cụ thể tùy thuộc vào đơn đặt hàng của ông T tại từng thời điểm, khi nhận được đơn hàng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O sẽ thông báo lại số lượng, chủng loại và thời gian cụ thể cho ông T biết để nhận hàng, giá bán là tại thời điểm giao hàng. Toàn bộ hàng là các loại phân NPK được Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O giao đến địa điểm do ông Tiên chỉ định. Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/6/2018, ông Tiên đã nhận hàng đầy đủ theo các đơn đặt hàng tuy nhiên ông T chưa thanh toán tiền hàng đầy đủ cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O.

Theo Biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 01/6/2018 tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 01/6/2018 tổng số nợ tiền hàng là 262.360.000 đồng, ông Tiên đã trả được 112.000.000 đồng, số tiền mà ông Tiên còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O là 150.360.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng). Mặc dù Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ nhưng ông Tiên vẫn không trả.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phan Văn T phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O số tiền là 150.360.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và lãi suất quá hạn do chậm trả từ ngày 02 tháng 6 năm 2018 đến khi xét xử là 1,67%/tháng.

Lãi suất tạm tính từ ngày 02 tháng 6 năm 2018 tới thời điểm nộp đơn là: $150.360.000 \text{ đồng} \times 46,5 \text{ tháng} \times 1,67\%/\text{tháng} = 116.762.058 \text{ đồng}$. Tổng cộng nợ gốc và lãi tạm tính tới thời điểm nộp đơn khởi kiện là 267.122.058 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, không trăm năm mươi tám đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi suất là: 116.762.058 đồng nhưng do nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận tính lãi suất và sau khi khởi kiện bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn, hiện còn thiếu nguyên đơn số tiền là: 76.860.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền là: 76.860.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 7 năm 2022 bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Ông T thừa nhận có ký hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O mua phân NPK. Tại Biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 01/6/2018 tính từ ngày 01/01/2018 ông T còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O tổng số tiền hàng là 262.360.000 đồng, ông T đã trả được số tiền 176.360.000 đồng chuyển vào tài khoản của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên O. Tính đến

thời điểm hiện nay ông T còn nợ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O số tiền là 86.000.000 đồng, ông T đồng ý trả nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông T xin trả mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ông T khẳng định giữa ông T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O không có thỏa thuận ông T phải chịu lãi suất chậm trả kể từ thời điểm đối chiếu công nợ.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận, nguyên đơn bán phân bón NPK cho bị đơn, trong quá trình mua bán tổng số tiền mua hàng là 262.360.000 đồng, bị đơn đã trả được số tiền là: 185.500.000 đồng, bị đơn còn nợ số tiền của nguyên đơn là: 76.860.000 đồng nhưng bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua phân bón còn thiếu là: 76.860.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón) theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, địa điểm kinh doanh tại số 23, ấp Phương T, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua bán hàng hóa (phân bón). Trong quá trình mua phân bón của nguyên đơn, bị đơn không thực hiện đúng như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền mua phân bón. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận là án

kinh doanh thương mại chứ không phải như khi thụ lý là vụ án dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa (phân bón) là tranh chấp án kinh doanh thương mại.

[4] Về nội dung: Bị đơn thừa nhận có mua phân bón của nguyên đơn, nguyên đơn thống nhất và nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Biên bản đối chiếu công nợ đề ngày 01/6/2018 giữa nguyên đơn và bị đơn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền là: 76.860.000 đồng về lãi suất do nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận tính lãi suất nên nguyên đơn không yêu cầu. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận nguyên đơn bán phân NPK cho bị đơn, nguyên đơn và bị đơn có đối chiếu công nợ bị đơn thừa nhận còn nợ tiền mua phân bón của nguyên đơn số tiền là: 76.860.000 đồng. Căn cứ Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 có quy định *“Hợp đồng mua bán là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán...”*. Đồng thời, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 cũng quy định: *“Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”*. Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền mua phân bón còn thiếu chưa thanh toán. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua phân bón còn thiếu là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí là 3.843.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 430 và Điều 440 và Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên On O. Buộc bị đơn Hộ kinh doanh Phan Văn T có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua phân bón còn thiếu là: 76.860.000 đồng (Bảy mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.678.051 đồng (Sáu triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm năm mươi một đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005152 ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.843.000 đồng (Ba triệu, tám trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh